

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



NGUYỄN KIM NGÔN

**HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀU CÁ
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM, QUA THỰC TIỄN
TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838.01.07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Hồ Thị Vân Anh**

Phản biện 1: TS. Cao Đình Lành.

Phản biện 2: PGS.TS. Hà Thị Mai Hiền.

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày 25 tháng 08 năm 2022

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	7
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn	7
7. Kết cấu của luận văn	8
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀU CÁ.....	8
1.1. Khái quát về hợp đồng bảo hiểm tàu cá.....	8
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của bảo hiểm tàu cá.....	8
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng bảo hiểm tàu cá	8
1.1.3. Vai trò, ý nghĩa của hợp đồng bảo hiểm tàu cá.....	9
1.2. Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá	9
1.2.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá.....	9
1.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng bảo hiểm tàu cá	10
1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá	10
Tiểu kết Chương 1.....	11
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀU CÁ TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH.....	12
2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm tàu cá.....	12
2.1.1. Quy định pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm tàu cá.....	12
2.1.2. Đánh giá pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm tàu cá	16
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định	17
2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định	17
2.2.2. Một số vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định	18
2.2.3. Nguyên nhân của các vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định	18
Tiểu kết Chương 2.....	18
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀU CÁ TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH.....	19

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định	19
3.1.1. Hiện thực hóa Chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển thị trường bảo hiểm	19
3.1.2. Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030	19
3.1.3. Đảm bảo cho việc tái cấu trúc thị trường bảo hiểm, đáp ứng những đòi hỏi của nền kinh tế giai đoạn hiện nay và yêu cầu hội nhập quốc tế	19
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá	20
3.2.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin và xử lý hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm trách nhiệm cung cấp thông tin	20
3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	20
3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về căn cứ xác định số tiền bồi thường bảo hiểm	20
3.2.4. Hoàn thiện pháp luật về về xác định lỗi trong trường hợp chuyển giao quyền yêu cầu bồi hoàn	20
3.2.5. Hoàn thiện pháp luật về chuyển giao hợp đồng bảo hiểm tàu cá.....	20
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định.....	21
KẾT LUẬN	22

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, bên bờ Thái Bình Dương, có vùng lãnh hải và đặc quyền kinh tế biển rộng trên 1 triệu km², bờ biển dài trên 3.260 km tiệm cận với các tuyến hàng hải quốc tế xuyên Á-Âu và khu vực. Với những lợi thế do tự nhiên ban tặng đó, lĩnh vực khai thác thủy hải sản ở Việt Nam đã và đang phát triển mạnh mẽ. Trong những năm qua, Nhà nước ta đã xây dựng nhiều chính sách thúc đẩy sự tăng trưởng của các hoạt động khai thác thủy sản hải theo chiều hướng phát triển bền vững nhằm khai thác tiềm năng về mặt tự nhiên trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Từ những yếu tố thuận lợi đó, ngành nghề đánh bắt thủy hải sản ở nước ta đang mở rộng đáng kể qua từng năm, kéo theo số lượng tàu cá không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, trong quá trình đánh bắt, khai thác thủy hải sản, các tàu cá gặp không ít các tai nạn, rủi ro dẫn đến các thiệt hại nghiêm trọng về cơ sở vật chất của tàu, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người; đặc biệt nguy hiểm đối với tàu cá và thiệt hại liên quan đến tàu cá mà chủ tàu phải gánh chịu thường rất nghiêm trọng. Ngoài ra, chủ tàu cá trong quá trình vận hành và khai thác tàu cá đã chịu không ít thiệt hại do tai nạn tàu cá gây ra, về cả chi phí sửa chữa tàu và bồi thường trách nhiệm cho bên thứ ba do tàu cá gây ra. Theo đó, bảo hiểm tàu cá (bao gồm bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu) được xem là giải pháp tối ưu để giảm thiểu thiệt hại và chia sẻ rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hoạt động của tàu cá. Vì vậy, cùng với sự phát triển của kinh tế ngư nghiệp trong nước, hoạt động bảo hiểm tàu cá cũng được mở rộng trên quy mô lớn nhằm khuyến khích ngư dân tích cực sử dụng bảo hiểm tàu cá trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bảo hiểm tàu cá là một trong những loại hình bảo hiểm hàng hải xuất hiện từ khá lâu tại nhiều quốc gia trên thế giới. Song, ở Việt Nam, bảo hiểm tàu cá vẫn còn là một khái niệm khá mới mẻ chỉ mới xuất hiện trong những năm gần đây. Xét từ góc độ khoa học pháp lý, bảo hiểm tàu cá cũng là một loại hình bảo hiểm tài sản thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự và pháp luật kinh doanh bảo hiểm của Việt Nam, do đó, phải tuân thủ các quy định chung của loại hình bảo hiểm tài sản. Bảo hiểm tàu cá được xác lập và ghi nhận dưới hình thức hợp đồng bảo hiểm tàu cá. Đây là văn bản pháp lý rất quan trọng làm cơ sở phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia vào quan hệ bảo hiểm này. Hiện nay, chế định hợp đồng bảo hiểm tàu cá thuộc sự điều chỉnh chung của Bộ luật Dân sự và Luật Kinh doanh bảo hiểm, có thể nói là chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định chi tiết về hợp đồng bảo hiểm tàu cá đối với tàu cá

hoạt động trong vùng biển Việt Nam, mà chỉ quy định chung về hợp đồng bảo hiểm và một số loại hợp đồng bảo hiểm cụ thể khác. Như vậy, khung pháp lý điều chỉnh chế định bảo hiểm tàu cá và hợp đồng bảo hiểm tàu cá vẫn chưa hoàn thiện, thiếu hệ thống dẫn tới việc áp dụng pháp luật về hợp đồng bảo hiểm còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm, bồi thường khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, trong một số trường hợp xảy ra tình trạng không minh bạch, lừa dối trong giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm nhằm gian lận bảo hiểm.

Ngoài ra, trong thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hiểm tàu cá cũng thường gặp phải những khó khăn nhất định như bên mua bảo hiểm là ngư dân đều có trình độ thấp, nhận thức hạn chế, và đối với bảo hiểm tàu cá nhiều ngư dân còn ngần ngại, vì không hiểu rõ, khi đặt bút ký không đọc hết các điều kiện bảo hiểm; các DNBH cũng lung túng trước các tình huống ngư dân không đáp ứng được điều kiện bảo hiểm, khiến cho việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm kéo dài,... đều là những nguyên nhân dẫn đến tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm tàu cá diễn ra ngày càng nhiều với tính chất khá phức tạp.

Trước tình hình đó, việc thực hiện một nghiên cứu toàn diện về khung pháp lý điều chỉnh chế định hợp đồng bảo hiểm tàu cá là một trong những yêu cầu cấp bách nhằm tạo tiền đề cho việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm tàu cá nói chung và hợp đồng bảo hiểm tàu cá nói riêng. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở quan trọng để các chủ thể nắm bắt một cách rõ ràng các quy định về bảo hiểm tàu cá, hợp đồng bảo hiểm tàu cá, từ đó bảo vệ tối ưu quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên, tác giả đã chọn đề tài “**Hợp đồng bảo hiểm tàu cá theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn tại tỉnh Bình Định**” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Hợp đồng bảo hiểm tàu cá Việt Nam là một lĩnh vực tương đối mới mẻ và chưa được quan tâm đúng mức nên hiện nay hầu như chưa có công trình riêng nào nghiên cứu về vấn đề này mà chủ yếu chỉ tập trung vào bảo hiểm hàng hải nói chung. Theo nghiên cứu chung về các công trình liên quan đến vấn đề này, tác giả xin giới thiệu một số công trình khoa học đã công bố như sau:

Thứ nhất, lý luận về hợp đồng bảo hiểm tàu cá (BHTC)

- Về khái niệm và đặc điểm BHTC:

Ở Việt Nam, trong các công trình nghiên cứu trong nước chưa có nhiều định nghĩa về BHTC, một số công trình có đề cập đến bảo hiểm tàu biển nói chung như sau: Trương Mộc Lâm và Lưu Nguyên Khánh (2016) trong tác phẩm “Một số điều cần biết về pháp lý trong kinh doanh bảo hiểm tàu biển”; Nguyễn

Thị Hải Đường (2016) trong công trình “Một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm hàng hải ở Việt Nam” ; Nguyễn Văn Định (2018) trong “Giáo trình Bảo hiểm; và Đoàn Minh Phụng và Hoàng Mạnh Cừ (2011) tại “Giáo trình Bảo hiểm tàu biển”.

Ở nước ngoài, cũng có một số công trình khoa học đề cập đến khái niệm BHTC, có thể kể đến như: “Black’s Law Dictionary” của tác giả Bryan A.Garner (2009); “Giáo khoa quốc tế về bảo hiểm” của tác giả Jérôme Yeatman (2010); và John Birds & Norma J.Hird (2014) trong “Modern Insurance Law”. Từ những định nghĩa về BHTC được đề cập trong các công trình kể trên, người viết có thể đánh giá như sau:

Một là, những định nghĩa thường đề cập đến bản chất của BHTC theo hướng mô tả kỹ thuật bảo hiểm (đối tượng bảo hiểm và trách nhiệm bảo hiểm) chứ không đề cập BHTC dưới khía cạnh pháp lý là một quan hệ giữa DNBH (DNBH) và bên mua bảo hiểm thể hiện bởi những nghĩa vụ cơ bản của hai bên đối với nhau.

Hai là, các định nghĩa chưa làm nổi bật được tính chất của BHTC là một dịch vụ thương mại mà bên bảo hiểm cung cấp cho bên mua bảo hiểm và những người có liên quan (như người được bảo hiểm và người thụ hưởng).

Ba là, các định nghĩa chưa được phân tích để làm rõ những đặc trưng cơ bản của BHTC như phân tích về đối tượng bảo hiểm là tình trạng vật lý của con tàu, trách nhiệm dân sự của chủ tàu, tính đa dạng về sự kiện bảo hiểm và yếu tố tiết kiệm và đầu tư có trong hầu hết các sản phẩm BHTC.

- Về khái niệm sản phẩm BHTC: Tiếp cận nghiệp vụ BHTC dưới góc độ là sản phẩm dịch vụ do DNBH cung cấp chưa được chú ý trong các tài liệu nghiên cứu.

Ở nước ngoài, tác giả David Bland (1993) trong “Bảo hiểm: Nguyên tắc và Thực hành” cho rằng, bảo hiểm nói chung chắc chắn là một dịch vụ, và việc quan niệm nó là sản phẩm hay không vẫn còn rất mơ hồ và có nhiều tranh luận. Tuy nhiên, quan điểm của David Bland là không chính xác vì mặc dù thuật ngữ “sản phẩm BHTC” không được định nghĩa nhưng được sử dụng khá phổ biến trong các quy định của pháp luật nhiều quốc gia và ở các công trình nghiên cứu nên không thể coi là có tranh luận về việc sản phẩm BHTC có phải là “sản phẩm” hay không. Về khái niệm sản phẩm nói chung, có thể tìm thấy quan niệm của Bryan A.Garner (1999) trong “Black’s Law Dictionary”.

Ở trong nước, có thể tìm thấy một vài định nghĩa về sản phẩm BHTC như trong: Nguyễn Văn Định (chủ biên) tại “Giáo trình Quản trị kinh doanh bảo hiểm” và Nguyễn Thị Hải Đường (2016) trong “Một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm hàng hải ở Việt Nam”. Nhìn chung, các tác giả cũng đề cập đến

những đặc trưng cơ bản của sản phẩm bảo hiểm với tư cách là một dịch vụ như tính vô hình, tính không bảo hộ độc quyền, v.v.. Tuy nhiên, có một số đặc điểm rất ít giá trị khoa học vì sự mơ hồ của chúng, ví dụ như tính “không mong đợi”, có “hiệu quả xê dịch”, thậm chí tác giả Nguyễn Tiến Hùng (2015) cho rằng sản phẩm BHTC còn có “tính khó hiểu” (tham luận đọc tại Hội thảo chủ đề "Bồi thường trong bảo hiểm hàng hải – những vấn đề đặt ra" do Bộ Tài chính tổ chức).

Như vậy, có thể khẳng định là cho đến thời điểm này, khái niệm sản phẩm BHTC có nhiều các hiểu khác nhau và dưới góc độ pháp lý, khái niệm này vẫn chưa được xây dựng một cách chuẩn xác dựa vào bản chất của nó với những đặc trưng giúp phân biệt nó một cách rõ ràng với các dịch vụ thương mại khác.

Thứ hai, pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá.

Nội dung pháp luật về hợp đồng BHTC được tập trung vào 3 vấn đề cơ bản là nguyên tắc của pháp luật kinh doanh BHTC, cấu trúc pháp luật kinh doanh BHTC và những yếu tố chi phối đến pháp luật kinh doanh BHTC.

- Về nguyên tắc của pháp luật hợp đồng BHTC

Hiện nay, các công trình nghiên cứu hầu như không nghiên cứu về các nguyên tắc pháp luật hợp đồng BHTC, trong khi nội dung lý luận này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc luận giải cấu trúc pháp luật cũng như các nội dung cần phải được ghi nhận trong các quy định pháp luật điều chỉnh hợp đồng BHTC. Tuy nhiên, ở từng góc độ cụ thể thì có một số công trình nghiên cứu tiêu biểu đề cập đến hai nguyên tắc cơ bản là nguyên tắc đảm bảo quyền tự do thỏa thuận và nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm.

Nguyên tắc tự do thỏa thuận được TS. Bùi Ngọc Cường (2014) phân tích khá sâu và toàn diện trong tác phẩm “Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành tại Việt Nam”. Những quan điểm này có thể áp dụng trong phân tích những nội dung về nguyên tắc tự do thỏa thuận trong lĩnh vực BHTC.

Nguyên tắc bảo vệ quyền lợi người tham gia bảo hiểm có một số quan điểm đáng chú ý như: Dominique Ponsot (2010) trong bài tham luận “Bảo vệ người tiêu dùng chống lại các điều khoản lạm dụng” và Takahiro Yasui (2011) trong tác phẩm “Policyholder Protection Fund: Rationale and Structure”.

Qua các công trình kể trên, có thể đánh giá như sau: (i) Các công trình thường không đề cập cùng một lúc hai nguyên tắc quan trọng của pháp luật hợp đồng BHTC là nguyên tắc đảm bảo quyền tự do thỏa thuận và nguyên tắc bảo vệ quyền lợi người tham gia bảo hiểm; (ii) Nội dung của các nguyên tắc chưa được phân tích cụ thể, đặc biệt là nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm. Đồng thời, các công trình nghiên cứu chưa đề cập đến việc xây dựng các

quy định pháp luật như thế nào để đảm bảo những nguyên tắc này được thực hiện.

- Về cấu trúc pháp luật hợp đồng BHTC

Việc nghiên cứu về cấu trúc pháp luật về hợp đồng BHTC có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định nội dung pháp luật về lĩnh vực này. Đề cập đến vấn đề này có những quan điểm chủ yếu sau: John Birds và Norma J.Hird (2014) trong tác phẩm “Modern Insurance Law”; Muriel L.Crawford (2008) trong tác phẩm “Life & Health Insurance Law”. Jérôme Yeatman (2011) trong “Giáo khoa quốc tế về bảo hiểm” và một số công trình khác.

Qua các công trình kể trên, có thể đánh giá là đa số các nghiên cứu thường hướng đến việc xác định nguồn luật điều chỉnh đối với nội dung nhất định của pháp luật về hợp đồng BHTC hơn là trả lời câu hỏi pháp luật về lĩnh vực này cần điều chỉnh những nội dung gì. Nhiều công trình (ví dụ như của John Birds và Norma J.Hird, của Muriel L.Crawford) đã nhìn nhận cấu trúc pháp luật hợp đồng bảo hiểm xuất phát từ mối quan hệ kinh doanh bảo hiểm. Quan điểm của Jérôme Yeatman (2011) có tính hợp lý hơn cả khi tác giả thấy được quan hệ hợp đồng bảo hiểm hẹp hơn là quan hệ kinh doanh bảo hiểm, nhưng tác giả chỉ coi các quy định điều chỉnh về địa vị pháp lý của DNBH thuộc về nội dung giám sát của nhà nước.

Đi sâu vào từng nội dung lý luận về của từng bộ phận trong cấu trúc pháp luật về kinh doanh BHTC, có một số công trình đáng chú ý như:

Các ấn phẩm do Hiệp hội quốc tế các nhà giám sát bảo hiểm (IAIS) ấn hành, trong đó đáng chú ý nhất là các ấn phẩm như: IAIS (2011), Insurance core principles, standards, guidance and assessment methodology; IAIS (2012), Guidance Paper - 10 - on Public Disclosure by Insurers; IAIS (2007), Guidance paper on use of internal models for risks and capital management purposes by insurers ... Những tác phẩm này là những công trình nghiên cứu mà IAIS đã tổng kết nhiều nội dung thực tiễn, từ đó đưa ra quan điểm và khuyến nghị đối với hoạt động giám sát bảo hiểm của các quốc gia thành viên. Những quan điểm và khuyến nghị này có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các quy định pháp luật của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, IAIS chỉ nhìn nhận dưới góc độ quản lý và giám sát, còn vận dụng vào cụ thể vào các quy định pháp luật như thế nào thì không được đề cập.

- Một số công trình nghiên cứu về những khía cạnh khác nhau của hợp đồng BHTC, trong đó nổi bật như: GS.TS. Trương Mộc Lâm và Lưu Nguyên Khánh (2016) với tác phẩm “Một số điều cần biết về pháp lý trong kinh doanh bảo hiểm”, John Birds và Norma J.Hird (2014) với “Modern Insurance Law” và Trần Phát Đạt (2016) “Hợp đồng bảo hiểm tàu biển - những vấn đề lý luận và

thực tiễn”. Trong tác phẩm “Một số điều cần biết về pháp lý trong kinh doanh bảo hiểm”, các tác giả có phân tích nhiều loại hình HĐBH, trong đó có BHTC, tuy nhiên chỉ tập trung vào những đặc điểm của HĐBH nói chung chứ chưa đề cập nhiều đến nội dung lý luận khác. Tác giả Trần Phát Đạt (2016) đã xây dựng nhiều nội dung lý luận quan trọng, đặc biệt là nội dung về điều khoản mẫu. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ dừng lại ở sự phân tích theo quan điểm cá nhân, chưa có sự so sánh thấu đáo với các quan điểm khoa học khác.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đưa ra được định hướng, đề xuất được những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng BHTC.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích như trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn là:

- Xây dựng nội dung lý luận về hợp đồng BHTC như: xây dựng khái niệm sản phẩm BHTC và khái niệm hợp đồng BHTC, xác định các nguyên tắc cơ bản và cấu trúc pháp luật hợp đồng BHTC cũng như các yếu tố chi phối đến pháp luật hợp đồng BHTC.

- Đánh giá nội dung các quy định pháp luật về hợp đồng BHTC và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Bình Định, bao gồm những ưu điểm và hạn chế của từng vấn đề.

- Xây dựng các giải pháp hoàn thiện pháp luật hiện hành và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng BHTC tại Bình Định.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Một là, pháp luật về hợp đồng BHTC bao gồm: Luật Kinh doanh bảo hiểm, Bộ luật Dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Hai là, thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng BHTC tại tỉnh Bình Định: Tình hình thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nói chung và hợp đồng BHTC nói riêng, những kết quả đạt được và những vấn đề hạn chế trong quá trình thực hiện pháp luật về hợp đồng BHTC trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Ba là, một số vấn đề lý luận pháp luật về BHTC và hợp đồng BHTC.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Các vấn đề lý luận và nội dung pháp luật về hợp đồng BHTC ở Việt Nam

- Phạm vi về thời gian: Luận văn nghiên cứu trong giai đoạn kể từ năm 2017 đến năm 2021.

- Phạm vi về không gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng BHTC tại tỉnh Bình Định.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để thực hiện được những nhiệm vụ nghiên cứu và mục đích nghiên cứu, dưới giác độ khái quát, luận văn được tiếp cận theo phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lênin về nhà nước và pháp luật.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đối với từng nội dung cụ thể, đề tài chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, thống kê, phương pháp so sánh luật học và phương pháp lịch sử.

Phương pháp phân tích được áp dụng phổ biến trong việc xây dựng các luận điểm trong từng nội dung của luận văn. Thông qua việc phân tích từng khía cạnh của đối tượng nghiên cứu, luận văn sẽ xây dựng các khái niệm hoặc chứng minh các luận điểm đã được đưa ra.

Phương pháp thống kê được áp dụng trong quá trình đánh giá thực tiễn về áp dụng pháp luật về hợp đồng BHTC. Bằng việc sử dụng các số liệu thực tế thông qua phương pháp thống kê sẽ chứng minh cho các nhận định được đưa ra.

Phương pháp so sánh luật học được áp dụng tương đối phổ biến trong quá trình phân tích các luận điểm. Nội dung so sánh chủ yếu bao gồm so sánh các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam với quy định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới và so sánh giữa quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam với các tiêu chuẩn, tập quán quốc tế.

Phương pháp lịch sử được sử dụng để nghiên cứu quá trình phát triển của hệ thống pháp luật hợp đồng BHTC gắn với bối cảnh phát triển kinh tế xã hội Việt Nam.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

- Ý nghĩa khoa học: Luận văn là công trình chuyên khảo xây dựng hệ thống lý luận về pháp luật hợp đồng BHTC cũng như đánh giá tương đối toàn diện thực trạng pháp luật hiện hành điều chỉnh lĩnh vực này. Do đó, luận văn sẽ góp phần bổ sung tri thức trong ngành khoa học pháp lý nói chung và chuyên ngành Luật kinh tế nói riêng về lĩnh vực pháp luật kinh doanh BHNT.

- Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận văn có tính ứng dụng thực tiễn. Một là, luận văn đóng góp những căn cứ khoa học cho việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật về hợp đồng BHTC ở Việt Nam. Hai là, luận văn sẽ góp phần đóng góp vào hệ thống kiến thức pháp lý để các cơ quan quản lý nhà nước,

DNBH và người tham gia bảo hiểm áp dụng các quy định của pháp luật một cách hiệu quả.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá

CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀU CÁ

1.1. Khái quát về hợp đồng bảo hiểm tàu cá

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của bảo hiểm tàu cá

Bảo hiểm tàu cá được định nghĩa như sau: *Bảo hiểm tàu cá là cam kết của tổ chức bảo hiểm (hay doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm) về việc chi trả hoặc bồi thường vật chất đối với những rủi ro liên quan đến đối tượng bảo hiểm là tàu cá cho người thụ hưởng (hay người đóng bảo hiểm, chủ tàu cá, bên thứ ba liên quan) khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.*

Với tư cách là một loại hình bảo hiểm tài sản, bảo hiểm tàu cá vừa mang những đặc điểm chung của bảo hiểm tài sản vừa mang những đặc trưng riêng biệt. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, bảo hiểm tàu cá được hình thành từ nhu cầu bảo vệ quyền lợi tài chính của chủ sở hữu tài sản – chủ tàu cá hoặc người đang chiếm hữu, sử dụng hợp pháp tài sản là tàu cá

Thứ hai, bảo hiểm tàu cá là giải pháp chia sẻ rủi ro mang tính cộng đồng

Thứ ba, bảo hiểm tàu cá là một loại hình bảo hiểm không bắt buộc

Thứ tư, bảo hiểm tàu cá là loại hình bảo hiểm được hỗ trợ ưu đãi của Nhà nước

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Trong pháp luật Việt Nam, khái niệm hợp đồng bảo hiểm được khái quát như sau:

“Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và DNBH, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, DNBH phải trả tiền bảo

hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm” .

Hợp đồng bảo hiểm tàu cá là một loại hợp đồng bảo hiểm tài sản theo đó, nó có những đặc điểm của một hợp đồng bảo hiểm tài sản như sau:

Thứ nhất, hợp đồng bảo hiểm tài sản có đối tượng là tài sản.

Thứ hai, trong hợp đồng bảo hiểm tài sản, sự kiện bảo hiểm hoàn toàn gắn liền với rủi ro, tức là trách nhiệm bồi thường hoặc chi trả tiền bảo hiểm của DNBH chỉ phát sinh khi đối tượng bảo hiểm bị thiệt hại.

Thứ ba, hợp đồng bảo hiểm tài sản có thể là hợp đồng ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn phụ thuộc vào sự thỏa thuận của các bên hoặc phụ thuộc vào đối tượng của hợp đồng bảo hiểm.

Thứ tư, hợp đồng bảo hiểm tài sản là loại hợp đồng bồi thường có giới hạn.

Thứ năm, nội dung của hợp đồng bảo hiểm tài sản bao gồm các điều khoản mẫu. Hợp đồng bảo hiểm nói chung và hợp đồng bảo hiểm tài sản nói riêng thường được DNBH soạn thảo sẵn do tính chất phức tạp đặc thù của quan hệ bảo hiểm .

Với tư cách là một loại hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm tàu cá cũng được có thể định nghĩa như sau: Hợp đồng bảo hiểm tàu cá là thỏa thuận giữa DNBH và chủ tàu cá (bên mua bảo hiểm) về việc DNBH cam kết sẽ chi trả tiền bảo hiểm cho chủ tàu cá trong trường hợp xảy ra các sự kiện bảo hiểm gây ra thiệt hại cho tàu cá với điều kiện chủ tàu cá thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm theo quy định của hợp đồng bảo hiểm.

1.1.3. Vai trò, ý nghĩa của hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Có thể khái quát vai trò và ý nghĩa của hợp đồng bảo hiểm tàu cá như sau:

Thứ nhất, hợp đồng bảo hiểm tàu cá phát huy vai trò là công cụ chuyển dịch rủi ro, san sẻ tổn thất để bảo vệ người được bảo hiểm.

Thứ hai, hợp đồng bảo hiểm tàu cá giúp người tham gia bảo hiểm ổn định đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, hợp đồng bảo hiểm tàu cá là công cụ huy động vốn tối ưu trong xã hội.

1.2. Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá

1.2.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá là tổng thể các quy phạm pháp luật được ghi nhận trong hệ thống văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, nhằm điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa các chủ thể tham gia hợp đồng bảo hiểm tàu cá. Về cơ bản, pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá mang bản chất của luật tư, do đó có những đặc điểm chung của Luật hợp đồng, cụ thể như sau:

Thứ nhất, pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá mang tính chất luật tư điển hình.

Thứ hai, pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá là luật hỗ trợ.

Thứ ba, pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá có phạm vi rộng.

1.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng bảo hiểm được thể hiện ở các khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm

- Một là, quyền được đảm bảo nguyên tắc bình đẳng trong giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

- Hai là, quyền được giải thích, hướng dẫn để hiểu đúng và đầy đủ nội dung của hợp đồng bảo hiểm tàu cá.

- Ba là, quyền được trả tiền bảo hiểm theo đúng thỏa thuận.

Thứ hai, nguyên tắc trung thực

Hợp đồng bảo hiểm tàu cá là một loại hình giao dịch dân sự nên phải đảm bảo được xác lập bởi sự thống nhất các thỏa thuận và thực hiện qua cơ sở tin tưởng lẫn nhau.

Thứ ba, nguyên tắc thế quyền

Đây là nguyên tắc được áp dụng khi phát sinh sự kiện bảo hiểm dẫn đến tổn thất đối với tài sản được bảo hiểm – tàu cá, xuất phát từ lỗi của bên thứ ba gây ra.

1.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá bao gồm các vấn đề chính sau đây:

Thứ nhất, chủ thể của hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Chủ thể chính trong quan hệ pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá là DNBH và bên mua bảo hiểm.

- DNBH: DNBH là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Bên mua bảo hiểm: Trong quan hệ hợp đồng bảo hiểm tàu cá, bên mua bảo hiểm là các tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với DNBH và thực hiện nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm.

Thứ hai, đối tượng của hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Đối với hợp đồng bảo hiểm tàu cá, tài sản được bảo hiểm là tàu cá, được xem là một trong những loại tài sản đặc biệt, chịu sự quản lý chặt chẽ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó Nhà nước đặt ra những quy định cụ thể liên quan đến các điều kiện về tàu cá để có thể trở thành đối tượng của hợp đồng bảo hiểm.

Thứ ba, hình thức của hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm: “*Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm, điện báo, telex, fax và các hình thức khác do pháp luật quy định*”¹.

Trên thực tế, hợp đồng bảo hiểm tàu cá thường gồm nhiều văn bản khác nhau tập hợp lại như đơn đề nghị bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm, tập điều khoản bảo hiểm...

Thứ tư, nội dung của hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Nội dung của hợp đồng bảo hiểm tàu cá là tổng thể những thỏa thuận giữa DNBH và người tham gia bảo hiểm được ghi nhận trong hợp đồng bảo hiểm tàu cá. Hầu hết pháp luật các quốc gia đều quy định về nội dung cần phải có hoặc một số thỏa thuận đặc trưng của quan hệ hợp đồng bảo hiểm tàu cá.

Tiểu kết Chương 1

Bảo hiểm tàu cá là một hoạt động kinh doanh rủi ro từ bên mua bảo hiểm sang DNBH, giúp người tham gia yên tâm khai thác sử dụng tài sản và đảm bảo lợi ích tài chính khi xảy ra các thiệt hại làm giảm sút giá trị của tài sản trong trường hợp do các bên thỏa thuận. Đây là một loại hình bảo hiểm mang ý nghĩa kinh tế - xã hội, đặc trưng của cộng đồng, luôn đặt mục tiêu an toàn tài chính lên hàng đầu. Để tham gia vào quan hệ này, các chủ thể phải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật bảo hiểm và hợp tác trên sự tin tưởng, trung thực, nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và hưởng lợi ích hợp pháp thông qua việc giao kết hợp đồng bảo hiểm tàu cá.

Hợp đồng bảo hiểm tàu cá là một chế định quan trọng trong hệ thống pháp luật dân sự nói chung và pháp luật bảo hiểm nói riêng. Trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, Nhà nước luôn từng bước hoàn thiện các thể chế, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xây dựng một khung pháp lý hoàn thiện điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hợp đồng bảo hiểm tàu cá cũng như các hợp đồng bảo hiểm nhằm tạo cơ sở pháp lý để các chủ thể an tâm tham gia vào các quan hệ bảo hiểm. Trong khuôn khổ Chương 1, Luận văn đã trình bày một số vấn đề lý luận về bảo hiểm tàu cá, hợp đồng bảo hiểm tàu cá và cơ sở lý luận của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá. Những nội dung này sẽ là cơ sở cho việc phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá trong Chương 2.

¹ Điều 14 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2019.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN
PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀU CÁ
TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm tàu cá

2.1.1. Quy định pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Thứ nhất, về chủ thể của hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Chủ thể của hợp đồng bảo hiểm tàu cá bao gồm hai bên là DNBH và bên mua bảo hiểm.

Một là, doanh nghiệp bảo hiểm

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì DNBH được định nghĩa chung: *“là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan để kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm”*.

Đối với DNBH tham gia trong các hợp đồng bảo hiểm tàu cá thương mại là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản và phải đáp ứng các điều kiện chung như sau:

(i) DNBH được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

(ii) Người đại diện của DNBH phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có thẩm quyền đại diện cho doanh nghiệp.

Theo đó, DNBH tham gia hợp đồng bảo hiểm tàu cá theo cơ chế ưu đãi phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây²: *Yêu cầu về năng lực tài chính; Yêu cầu về quản trị doanh nghiệp; Yêu cầu về mạng lưới triển khai bảo hiểm khai thác hải sản; Yêu cầu về kinh nghiệm triển khai bảo hiểm khai thác hải sản; Cam kết tuân thủ quy định của pháp luật và văn bản chỉ đạo của Bộ Tài chính; Được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản về việc triển khai bảo hiểm khai thác hải sản.*

Hai là, bên mua bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm là chủ thể đứng tên trong hợp đồng bảo hiểm tàu cá và là người có nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm thường là cá nhân nhưng cũng không ngoại lệ bên mua bảo hiểm là tổ chức, miễn là thoả mãn các điều kiện đối với bên mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Các điều kiện này bao gồm:

- Bên mua bảo hiểm phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm.

² Điều 4 Thông tư số 115/2014/TT-BTC Hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 7 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Riêng đối với hợp đồng bảo hiểm tàu theo cơ chế ưu đãi, bên mua bảo hiểm là chủ tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên và phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cụ thể theo quy định³.

Thứ hai, Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Theo quy định của Luật Thủy sản, tàu cá là phương tiện thủy có lắp động cơ hoặc không lắp động cơ, bao gồm tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản, tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

Ngoài ra, đối với tàu cá là đối tượng của hợp đồng bảo hiểm theo cơ chế ưu đãi, Nhà nước đặt ra các tiêu chuẩn nhất định, cụ thể như sau⁴:

Tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

- Là thành viên của tổ đội, hợp tác xã khai thác hải sản;
- Có Giấy chứng nhận đăng ký tàu, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật;
- Có giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu khai thác hải sản xa bờ hoặc đăng ký tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định của pháp luật;
- Đã thực hiện đăng ký thuyền viên và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp sổ danh bạ thuyền viên theo quy định pháp luật.
- Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về đối tượng được hỗ trợ.

Thứ ba, Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Theo quy định tại Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của DNBH được quy định như sau:

- Quyền của DNBH: (i) Thu phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm; (ii) Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm; (iii) Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 35 và khoản 3 Điều 50 của Luật Kinh doanh bảo hiểm; (iv) Từ chối trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc từ chối bồi thường cho người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm; (v) Yêu cầu bên mua bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; (vi) Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà DNBH đã

³ Điều 6 Thông tư số 115/2014/TT-BTC Hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 7 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

⁴ Khoản 2 Điều 13 Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (Được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 15731/BTC-QLBH ngày 29/10/2014 của Bộ Tài chính).

bồi thường cho người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với tài sản và trách nhiệm dân sự và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Nghĩa vụ của DNBH: (i) Giải thích cho bên mua bảo hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm; (ii) Cấp cho bên mua bảo hiểm giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm ngay sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm; (iii) Trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm; (iv) Giải thích bằng văn bản lý do từ chối trả tiền bảo hiểm hoặc từ chối bồi thường; (v) Phối hợp với bên mua bảo hiểm để giải quyết yêu cầu của người thứ ba đòi bồi thường về những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm được quy định như sau:

- Quyền của bên mua bảo hiểm: (i) Lựa chọn DNBH hoạt động tại Việt Nam để mua bảo hiểm; (ii) Yêu cầu DNBH giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm; (iii) Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 20 của Luật này; (iv) Yêu cầu DNBH trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm; (v) Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm: (i) Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm; (ii) Kê khai đầy đủ, trung thực mọi chi tiết có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của DNBH; (iii) Thông báo những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của DNBH trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của DNBH; (iv) Thông báo cho DNBH về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm; (v) Áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, Chuyển giao, chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm tàu cá

(i) Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Điều 26 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm như sau:

“1. Bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

2. Việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực trong trường hợp bên mua bảo hiểm thông báo bằng văn bản cho DNBH về việc chuyển nhượng và DNBH có văn bản chấp nhận việc chuyển nhượng đó, trừ trường hợp việc chuyển nhượng được thực hiện theo tập quán quốc tế”.

(ii) *Chuyển giao hợp đồng bảo hiểm tàu cá*

Luật Kinh doanh bảo hiểm đã quy định những nội dung cụ thể liên quan đến chế định chuyển giao hợp đồng bảo hiểm áp dụng cho tất cả các loại hợp đồng, bao gồm cả hợp đồng bảo hiểm tàu cá như sau:

Một là, Về các trường hợp chuyển giao hợp đồng bảo hiểm

Điều 74 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định:

“1. Việc chuyển giao toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một hoặc một số nghiệp vụ bảo hiểm giữa các DNBH được thực hiện trong những trường hợp sau đây:

- a) DNBH có nguy cơ mất khả năng thanh toán;
- b) DNBH chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể;
- c) Theo thỏa thuận giữa các DNBH.

2. Trong trường hợp DNBH có nguy cơ mất khả năng thanh toán, giải thể mà không thỏa thuận được việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm cho DNBH khác thì Bộ Tài chính chỉ định DNBH nhận chuyển giao”.

Hai là, Về điều kiện chuyển giao hợp đồng bảo hiểm

Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định:

“Việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm được thực hiện theo các điều kiện sau đây:

1. DNBH nhận chuyển giao đang kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm được chuyển giao;
2. Các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao không thay đổi cho đến khi hết thời hạn hợp đồng bảo hiểm;
3. Việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm phải kèm theo việc chuyển giao các quỹ và dự phòng nghiệp vụ liên quan đến toàn bộ hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao.”

Ba là, về thủ tục chuyển giao hợp đồng bảo hiểm

Điều 76 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm được thực hiện theo thủ tục sau đây:

(i) DNBH chuyển giao hợp đồng bảo hiểm phải có đơn đề nghị chuyển giao hợp đồng bảo hiểm gửi Bộ Tài chính nêu rõ lý do, kế hoạch chuyển giao, kèm theo hợp đồng chuyển giao. Việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm chỉ được tiến hành sau khi đã được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản;

(ii) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Bộ Tài chính chấp thuận việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp chuyển giao hợp đồng bảo hiểm

phải công bố về việc chuyển giao và thông báo cho bên mua bảo hiểm bằng văn bản.

2.1.2. Đánh giá pháp luật Việt Nam về hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Thứ nhất, Ưu điểm

Một là, xây dựng khung pháp lý cơ bản về hợp đồng BHTC

Hợp đồng BHTC là một trong những chế định quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo hiểm tàu cá.

Hai là, quy định chi tiết về chính sách bảo hiểm tàu cá

Năm 2014, Chính phủ ban hành Nghị định 67/2014/NĐ-CP về chính sách phát triển thủy sản, trong đó chú trọng nhất đến chính sách bảo hiểm tàu cá.

Ba là, Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm) đã kịp thời hoàn thiện các chính sách hỗ trợ các DNBH nhằm phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm an toàn, bền vững, hiệu quả.

Bốn là, trong những năm qua, Cục quản lý, giám sát bảo hiểm cũng đã phối hợp với DNBH, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước rà soát, tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ đối với hoạt động đại lý bảo hiểm, việc tham gia hợp đồng bảo hiểm tài sản cũng như hợp đồng bảo hiểm tàu cá không đúng với quy định của pháp luật Việt Nam.

Thứ hai, Một số hạn chế

Thứ nhất, về trách nhiệm cung cấp thông tin và xử lý hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm trách nhiệm cung cấp thông tin

Các quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm về trách nhiệm cung cấp thông tin còn một số hạn chế, bất cập sau đây:

- Thiếu quy định về căn cứ để xác định hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sự thật.

- Thiếu quy định về hậu quả pháp lý đối với trường hợp sau khi bên mua bảo hiểm đã chuyển nhượng hợp đồng cho người khác thì DNBH phát hiện bên mua bảo hiểm đã cung cấp thông tin không trung thực.

- Chưa quy định rõ cách tính “giá trị hoàn lại”.

Thứ hai, về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Có thể khẳng định quy định về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải là nội dung bắt buộc hiện diện trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm, song quy định này vẫn còn tồn tại một số vướng mắc, hạn chế.

Thứ ba, về xác định số tiền bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Mặc dù đã có những quy định cụ thể về cách thức xác định số tiền bồi thường trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm tàu cá, song những quy định này chỉ áp dụng đối với trường hợp tàu cá được bảo hiểm theo cơ chế ưu đãi của Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

Thứ tư, về xác định lỗi trong trường hợp chuyển giao quyền yêu cầu bồi hoàn và trách nhiệm bồi hoàn của bên thứ ba

Luật Kinh doanh bảo hiểm chỉ nêu vấn đề có lỗi một cách chung chung mà không xác định cụ thể yếu tố lỗi. Do vậy, cần phải căn cứ BLDS để xác định yếu tố lỗi. Tuy nhiên, việc xác định lỗi của người thứ ba trên thực tế không hề đơn giản.

Thứ năm, về chuyển giao hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Một là, về các trường hợp chuyển giao hợp đồng bảo hiểm

- Bất cập về trường hợp DNBH chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể phải chuyển giao hợp đồng bảo hiểm.

- Bất cập về trường hợp DNBH có nguy cơ mất khả năng thanh toán, giải thể mà không thỏa thuận được việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm cho DNBH khác thì Bộ Tài chính chỉ định DNBH nhận chuyển giao.

Hai là, về điều kiện chuyển giao hợp đồng bảo hiểm

Thứ sáu, về việc tính lãi trong việc trả tiền bảo hiểm hoặc tiền bồi thường

Trường hợp DNBH từ chối trả tiền bảo hiểm hoặc tiền bồi thường cho người hưởng thụ, người được bảo hiểm hoặc có tranh chấp về số tiền bảo hiểm, bồi thường. Tòa án giải quyết tranh chấp đã quyết định DNBH phải trả tiền bảo hiểm hoặc tiền bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn thì có tính lãi trên số tiền đó hay không? Nếu có thì tính lãi từ thời điểm nào, mức lãi suất như thế nào? Hiện nay còn có hai quan điểm về vấn đề này.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định

2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định

Trong những năm qua, số lượng hợp đồng bảo hiểm tàu cá được ký kết giữa các bên ngày càng nhiều với số tiền bảo hiểm ngày càng lớn. Trên cơ sở thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nghị định 67/2014/NĐ-CP, tỉnh Bình Định đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc triển khai các chính sách này nhằm hỗ trợ cho các chủ tàu tham gia hợp đồng bảo hiểm. Do đó, hầu hết các hợp đồng BHTC trên địa bàn tỉnh Bình Định đều được xác lập dưới dạng BHTC ưu đãi theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, các DNBH cung cấp sản phẩm BHTC tại Bình Định chủ yếu là 4 DNBH được Chính phủ cấp phép, bao gồm Bảo Việt, Bảo Minh, PVI, PJICO và 1 công ty tái bảo hiểm là Vinare, trong đó PJICO là DNBH có số lượng các hợp đồng BHTC chiếm tỷ lệ cao nhất.

Song, sự gia tăng về số lượng hợp đồng bảo hiểm tàu cá sẽ kéo theo hệ lụy là các tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm tàu cá phát sinh ngày càng nhiều với

tình chất phức tạp, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên tham gia hợp đồng. Tại tỉnh Bình Định, mặc dù số lượng tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm tàu cá chiếm tỷ lệ khá nhỏ so với tổng số tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự được giải quyết tại Tòa án, nhưng quá trình giải quyết tranh chấp cũng gặp phải nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp.

2.2.2. Một số vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định

Tại tỉnh Bình Định, mặc dù số lượng tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm tàu cá chiếm tỷ lệ khá nhỏ so với tổng số tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự được giải quyết tại Tòa án, nhưng quá trình giải quyết tranh chấp cũng gặp phải nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, vướng mắc liên quan đến trách nhiệm cung cấp thông tin của DNBH

Thứ hai, vướng mắc liên quan đến việc xác định mức bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Thứ ba, vướng mắc liên quan đến điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

2.2.3. Nguyên nhân của các vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định

Thứ nhất, hệ thống các quy định pháp luật về hợp đồng BHTC vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập, chưa theo kịp với thực tế.

Thứ hai, bảo hiểm tàu cá là một mô hình bảo hiểm khá mới trên thị trường bảo hiểm nói chung và thị trường bảo hiểm tài sản nói riêng.

Thứ ba, tranh chấp hợp đồng bảo hiểm nói chung và tranh chấp bảo hiểm tàu cá nói riêng là một trong những loại hình tranh chấp phức tạp, giá trị tranh chấp lớn với nhiều sự kiện pháp lý cũng như các sự kiện thực tế phát sinh.

Tiểu kết Chương 2

Qua việc tìm hiểu và phân tích các quy định pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá ở Việt Nam có thể thấy rằng bảo hiểm tàu cá đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của kinh tế thị trường, có sự vận động và phát triển đa dạng, phức tạp thông qua nhiều loại hình bảo hiểm tương ứng với các loại tài sản, phù hợp với nhu cầu, điều kiện của các chủ thể tham gia. Trong đó, các quy định về nguyên tắc bồi thường, phạm vi trách nhiệm, thời điểm phát trách nhiệm bồi thường và nghĩa vụ của DNBH, bên mua bảo hiểm đã góp phần bảo vệ được quyền lợi của các bên tham gia bảo hiểm.

Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá hiện hành vẫn còn tồn tại một số bất cập, hạn chế dẫn đến khó khăn trong quá trình áp dụng để

giải quyết các tranh chấp phát sinh. Trong Chương 2, trên cơ sở phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về hợp đồng bảo hiểm tài sản, Luận văn đã chỉ ra một số vấn đề vướng mắc liên quan đến các quy định về hợp đồng bảo hiểm tàu cá, đồng thời đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định thông qua một số tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá. Những nội dung này sẽ là cơ sở quan trọng để đề xuất các kiến nghị liên quan trong Chương 3 của Luận văn.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀU CÁ TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định

3.1.1. Hiện thực hóa Chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển thị trường bảo hiểm

Trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Khóa X tại Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI, phần nội dung nói về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương trong thời gian tới cần phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng các sản phẩm bảo hiểm, đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các DNBH thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước. Cùng với đó, thực hiện lộ trình mở cửa thị trường bảo hiểm phù hợp với điều kiện đất nước và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế và nhấn mạnh đến nguyên tắc bảo vệ lợi ích của người mua bảo hiểm.

3.1.2. Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030

Để giữ vững được sự phát triển ổn định của thị trường bảo hiểm, việc xây dựng Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm trong từng giai đoạn luôn được Chính phủ quan tâm và coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm.

3.1.3. Đảm bảo cho việc tái cấu trúc thị trường bảo hiểm, đáp ứng những đòi hỏi của nền kinh tế giai đoạn hiện nay và yêu cầu hội nhập quốc tế

Đề án “Tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm” (sau đây gọi tắt là Đề án) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định

số 1826/QĐ-TTg ngày 06/12/2012 với một trong những mục tiêu lớn là nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và an toàn đối với thị trường bảo hiểm.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá

3.2.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin và xử lý hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm trách nhiệm cung cấp thông tin

Thứ nhất, sửa đổi khoản 19 Điều 2 Luật Kinh doanh bảo hiểm

Thứ hai, trong trường hợp bên mua bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin thì DNBH có quyền hủy bỏ hợp đồng.

Thứ ba, đối với hợp đồng bảo hiểm được chuyển nhượng cho người thứ ba mà DNBH phát hiện có hành vi lừa dối trong việc cung cấp thông tin để xác lập hợp đồng bảo hiểm thì xử lý theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Một là, trong Luật Kinh doanh bảo hiểm cần bổ sung quy định về giới hạn của các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm mà nhà bảo hiểm đưa vào trong hợp đồng.

Hai là, trong Luật Kinh doanh bảo hiểm cần phải bổ sung hậu quả pháp lý cụ thể đối với trường hợp thoả thuận của bên mua và bên bán bảo hiểm thiếu điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Ba là, cần phải giải quyết mâu thuẫn giữa quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về căn cứ xác định số tiền bồi thường bảo hiểm

TANDTC cần ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất quy định về căn cứ xác định số tiền bảo hiểm theo khuynh hướng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia hợp đồng bảo hiểm.

3.2.4. Hoàn thiện pháp luật về xác định lỗi trong trường hợp chuyển giao quyền yêu cầu bồi hoàn

Thứ nhất, cần đẩy mạnh việc công bố các án lệ liên quan đến chuyển quyền yêu cầu đòi bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản.

Thứ hai, sửa đổi một số quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm nhằm khắc phục tình trạng trốn tránh trách nhiệm bồi hoàn của bên thứ ba.

3.2.5. Hoàn thiện pháp luật về chuyển giao hợp đồng bảo hiểm tàu cá

Thứ nhất, sửa đổi quy định về các trường hợp chuyển giao hợp đồng bảo hiểm

Thứ hai, sửa đổi Điều 75 Luật Kinh doanh bảo hiểm theo hướng bổ sung thêm điều kiện để chuyển giao hợp đồng bảo hiểm.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định

Thứ nhất, DNBH cần tăng cường các hoạt động khắc phục tình trạng trục lợi bảo hiểm.

Thứ hai, bên mua bảo hiểm cần nghiên cứu kỹ các quy định pháp luật về bảo hiểm tàu cá trước khi ký kết hợp đồng bảo hiểm.

Thứ ba, bên mua bảo hiểm cần phản ánh kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của DNBH.

Thứ tư, cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm tàu cá của DNBH.

Thứ năm, nâng cao trình độ, năng lực gắn liền với công tác bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ Tòa án, Viện kiểm sát,...

KẾT LUẬN

Bảo hiểm tàu cá là một trong những chế định có vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển hoạt động kinh tế biển ở Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng. Bảo hiểm tàu cá góp phần hỗ trợ ngư dân yên tâm thực hiện hoạt động khai thác, đánh bắt thủy hải sản, đồng thời chia sẻ rủi ro đối với ngư dân trong trường hợp xảy ra các tổn thất đối với tàu cá. Trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, bảo hiểm tàu cá được xác lập dưới hình thức hợp đồng bảo hiểm tàu cá giữa DNBH và bên mua bảo hiểm (chủ tàu cá). Hợp đồng bảo hiểm tàu cá là cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ bảo hiểm, đồng thời là công cụ pháp lý hỗ trợ các bên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trên cơ sở, pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá luôn nhận được sự quan tâm trong quá trình xây dựng hành lang pháp lý cho sự phát triển của thị trường kinh doanh bảo hiểm tàu cá tại Việt Nam.

Qua nghiên cứu đề tài luận văn “Hợp đồng bảo hiểm tàu cá theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn tại tỉnh Bình Định”, luận văn đã đạt được những kết quả sau đây:

- Luận văn đã trình bày cơ sở lý luận về hợp đồng bảo hiểm tàu cá trong mối tương quan với hợp đồng bảo hiểm tài sản bao gồm khái niệm, đặc điểm của hợp đồng bảo hiểm tàu cá, một số vấn đề khái quát về pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá như khái niệm, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá, cấu trúc pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá.

- Luận văn phân tích đánh giá thực trạng pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định. Trên cơ sở đó, Luận văn đã đánh giá những kết quả đạt được và những vướng mắc hạn chế liên quan đến pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá hiện nay.

- Trên cơ sở những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động bảo hiểm tàu cá, Luận văn đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá và các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tàu cá tại tỉnh Bình Định.

Cùng với sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về quản lý xã hội qua các thời kỳ, để các chính sách bảo hiểm tàu cá ngày càng đi sâu vào thực tiễn các đời sống xã hội, đòi hỏi phải có sự nghiêm túc chấp hành của các chủ thể tham gia mà cụ thể là DNBH và bên mua bảo hiểm, từ đó hạn chế các tranh chấp phát sinh, cân bằng quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong cộng đồng, xây dựng một thị trường bảo hiểm trong sáng và lành mạnh, tăng quy mô bao phủ của nghiệp vụ bảo hiểm tàu cá ở nước ta, tạo ra các giá trị bền vững trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội quốc gia.